

Bản án số: 03/2018/DS-PT  
Ngày 24- 01- 2018  
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Ngọc Dũng  
Ông Nguyễn Văn Thiêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2017/DS-ST ngày 16 tháng 08 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2531/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đồng Thị H, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt .

**- Bị đơn:** Bà Đồng Thị L, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Kim V, Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K, có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Văn H, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Chị Phạm Thị Thanh M, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn T, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đồng Thị L là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Đồng Thị H trình bày:

Gia đình bà H sinh sống tại vùng kinh tế mới ở Quảng Ninh. Đến năm 1993 vợ chồng bà có nhu cầu mua nhà đất để về quê hương sinh sống. Do lúc đó đi lại khó khăn nên vợ chồng bà nhờ chị gái là bà Đồng Thị L, chồng là ông Trần Quang Hoàn đứng ra mua hộ nhà trên diện tích đất 123m<sup>2</sup> tại thôn Mỹ Cụ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng của vợ chồng bà Đoàn Thị Bưởi, ông Hoàng Văn Năm với giá 11.500.000 đồng. Do bà L là người mua hộ nên về giấy tờ ban đầu đều đứng tên vợ chồng bà L. Sau khi mua được nhà đất thì bà và hai con về nhà đất đó ở, còn chồng bà là ông Phạm Văn H do công việc nên vẫn ở Quảng Ninh. Diện tích đất ở chật chội, không có chỗ tăng gia nên bà đã làm chòi ra ở trên diện tích đất 03 thôn Đ, xã H tăng gia để có thêm thu thập. Năm 2005 bà L hỏi mượn nhà đất của bà để làm chỗ kinh doanh mở điểm Internet. Vì tình cảm chị em nên vợ chồng bà đã cho bà L mượn. Kinh doanh một thời gian không hiệu quả thì bà L đóng cửa, nhà đất bỏ không, gia đình bà lại quản lý. Năm 2013 vợ chồng bà có nhu cầu tiếp tục sử dụng nên đã thống nhất bàn với bà L: Do bà L là người mua nhà đất hộ nên về giấy tờ phải làm đứng tên bà L trước, bà L nói: “*Cầu một về chị, cầu hai về dì*”, sau đó mới chuyển sang tên bà H được. Vì thế các thủ tục giấy tờ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu đứng tên bà L sau đó mới đính chính sang tên bà thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Thực tế vợ chồng bà là người mua nhà đất và trả tiền cho vợ chồng bà Bưởi. Sau khi mua gia đình bà cũng đã sử dụng, đóng thuế đầy đủ từ trước đến nay. Khi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã chấp hành đầy đủ, bà L hoàn toàn tự nguyện nên bà mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vợ chồng bà muốn lấy lại nhà đất cũng nghĩ tình cảm chị em không đi đâu mà thiệt nên mong muốn chị em tự giải quyết cho ổn thỏa nhưng bà L không nghĩ đến em gái còn khó khăn, không đồng ý phương án hòa giải không trả tiền cũng không trả nhà.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đồng Thị L phải trả lại tài sản gồm diện tích đất 123m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại thửa 723/2, tờ bản đồ số 03, thôn Mỹ Cụ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 87725 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 4 tháng 5 năm 2013.

Bị đơn bà Đồng Thị L trình bày: Năm 1993 vợ chồng bà mua diện tích đất 123m<sup>2</sup> trên có nhà công trình phụ tại Thôn 8 Mỹ Cù, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng của bà Đàm Thị Bưởi và ông Vũ Văn Năm với giá 11.500.000 đồng. Trả tiền lần 1 là 7.000.000 đồng do vợ chồng bà trả vào ngày 21 tháng 9 năm 1993. Số tiền còn lại do bà H trả vào khoảng 3 tháng sau đó bà không nhớ ngày nào. Do bà H không có nhà ở vì lúc đó bà H đi vùng kinh tế mới về nên bà H đã ở tại nhà đất mua đó đến năm 2005 thì chuyển ra ở trên đất 03 của vợ chồng bà, sau đó bà là người quản lý sử dụng nhà đất đó. Năm 2013 thì bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng khi giải quyết tranh chấp tại Tòa án bà mới được xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có việc chuyển nhượng, mua bán nào giữa bà và bà H và việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng. Nay quan điểm của bà là chia đôi diện tích đất, bà đề nghị được nhận cả nhà đất và sẽ trả số tiền trị giá ½ diện tích đất cho bà H. Hiện nay một mình bà quản lý tài sản, tài sản trên đất có nhà cấp 4, bể nước, công trình phụ đầy đủ do bà sửa chữa và làm thêm từ năm 2005. Bà không yêu cầu tính công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo tài sản.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 bà L nộp đơn yêu cầu phản tố: Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21 tháng 5 năm 2013 vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 877251 ngày 10 tháng 7 năm 2013 UBND huyện T đã cấp cho hộ bà Đồng Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H, chị Phạm Thị Thanh M, anh Phạm Văn T: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/2017/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 106, Điều 166, khoản 4 Điều 275, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự; Điều 95, Điều 97 Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 29 Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban thường vụ quốc hội về chi phí tố tụng, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị H, buộc bà Đồng Thị L phải trả cho bà Đồng Thị H diện tích đất 123m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 723/2, tờ bản đồ số 03, thôn Mỹ Cù, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 87725 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 bị đơn là bà Đồng Thị L có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, lý do: Diện tích đất tranh chấp là do bà và bà H mua chung; đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 bà mới được Tòa án cung cấp bản foto giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất có đính chính sang tên bà H và hợp đồng chuyển nhượng giữa bà và bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử xác định diện tích 123m<sup>2</sup> đất tại Mỹ Cự, H, huyện T, Hải Phòng là của bà L và bà H mua chung, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L chia đôi diện tích đất bà L là người nhận toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất và có trách nhiệm trả cho bà Huê số tiền trị giá bằng ½ diện tích đất theo kết quả đã định giá.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Căn cứ vào lời khai của bà Bưởi là người chuyển nhượng nhà đất; Hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà L và bà H; Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Ngày 31 tháng 01 năm 2017 và ngày 04 tháng 7 năm 2017 TAND huyện T đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi hoãn phiên tòa ngày 21 tháng 7 năm 2017 bị đơn mới có yêu cầu phản tố đề nghị tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vô hiệu và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. TAND huyện T không xem xét giải quyết yêu cầu này của bị đơn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn là bà Đồng Thị L đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị H, đề nghị Tòa chia đôi diện tích đất tranh chấp, theo hướng bị đơn là người nhận đất, tài sản gắn liền với đất và sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền bằng  $\frac{1}{2}$  diện tích đất theo kết quả định giá; Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Xác định quyền đòi tài sản của nguyên đơn bà Đồng Thị H: Theo lời khai của các đương sự và tài liệu xác minh tại UBND xã H, nguồn gốc diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền diện tích 123m<sup>2</sup> tại thôn Mỹ Cù, xã H, huyện T, Hải Phòng trước đây là của ông Hoàng Văn Năm và bà Đoàn Thị Bưởi.

Nguyên đơn bà H khai đây là tài sản của vợ chồng bà do năm 1993 đã nhờ vợ chồng bị đơn đứng ra giao dịch mua hộ diện tích nhà và đất nêu trên của vợ chồng bà Bưởi với số tiền là 11.500.000đồng, bà H là người trực tiếp trả tiền cho bà Bưởi. Bị đơn bà L không thừa nhận việc này mà cho rằng nhà và đất là của bà và bà H mua chung và bị đơn là người trả cho bà Bưởi 7 triệu còn lại là của bà H trả ai, thời gian nào thì bà không biết.

Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ:

- Lời khai của người làm chứng là bà Đoàn Thị Bưởi là người chuyên nhượng nhà và đất, thể hiện: Vào năm 1992- 1993, vợ chồng bà có bán 123m<sup>2</sup> đất cho bà H, việc mua bán có giấy viết tay giữa ông Hoàng Văn Năm (chồng bà Bưởi) và ông Hoàn (là chồng bà L), không chứng thực ở xã. Sở dĩ ghi tên ông Năm bán đất cho ông Hoàn vì ông Năm quen biết với ông Hoàn, ghi như vậy cho tiện giao dịch. Nhưng thực chất bà là người bán trực tiếp cho bà H và bà H là người trả tiền làm hai lần: Lần 1 trả 9 triệu, lần 2 trả 2.500.000đ tổng số tiền là 11.500.000 đồng. Sau khi bán gia đình bà H ở được 05 năm thì chuyển đi, bà L ra ở để kinh doanh. Giữa bà L và bà H có giao dịch gì chung nhau thì bà Bưởi không biết. Như vậy lời khai của bà Bưởi phù hợp với lời khai của bà H về việc chuyển nhượng cũng như số tiền chuyển nhượng và thực tế quản lý sử dụng nhà đất. Bà L khai là người trả tiền nhưng không có tài liệu nào chứng minh và không có người chứng kiến. Trong hồ sơ thể hiện có một giấy viết tay (bản foto) xác nhận ông Năm nhận của ông Hoàn số tiền 7 triệu do bị đơn cung cấp, hiện ông Năm và ông Hoàn đều đã chết nên không thể xác minh việc này được song cũng thể hiện giấy xác nhận này phù hợp với lời khai của bà Bưởi về việc do ông Hoàn là bạn ông Năm nên viết tên ông Hoàn để tiện giao dịch. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định bà L và bà H là người mua chung diện tích đất và tài sản gắn liền với đất như nêu ở trên.

- Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 76 ngày 21 tháng 5 năm 2013, có nội dung bà L chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 123m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn

Mỹ Cụ, xã H cho bà H, hợp đồng không thể hiện giá chuyển nhượng. Tại Biên bản họp gia đình ngày 12/10/2012 với nội dung: Các con bà L thống nhất diện tích đất 123m<sup>2</sup> là tài sản quyền sử dụng riêng bà L. Về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng và biên bản họp gia đình đều có xác nhận của chính quyền địa phương song bà L không thừa nhận là người ký vào những văn bản này. Tại Kết luận giám định số 182/C54-P5+P3 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục cảnh sát đã kết luận chữ ký mang tên Đồng Thị L trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và biên bản họp gia đình so với chữ ký, chữ viết của bà Đồng Thị L ký trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra đã phù hợp với chứng khác nên có đủ cơ sở xác định bà L là người chuyển nhượng quyền sử dụng 123m<sup>2</sup> đất cho bà H. Như vậy xét về hình thức và nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 21 tháng 5 năm 2013 giữa bà L và bà H không vi phạm điều cấm của Luật không vi phạm đạo đức xã hội là hợp đồng hợp pháp và thực tế các bên đã thực hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 87725 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2013 đã có sự thay đổi chuyển từ bà L sang bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L khai bà và ông H là người làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm này bà có ký một số giấy tờ không do ông H đưa nói là để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H không thừa nhận việc này ngoài lời khai của bà L không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên xác định bà L khai đã ký không là không có cơ sở chấp nhận.

- Mặt khác hồ sơ thể hiện gia đình bà H là người nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước từ thời gian nhận chuyển nhượng của bà Bưởi và ông Năm cho đến nay và khi được cấp vợ chồng bà là người nhận và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những chứng cứ đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Diện tích đất 123m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại thửa 723/2, tờ bản đồ số 03, tại thôn Mỹ Cụ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là tài sản thuộc quyền quyền sử dụng và sở hữu của bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 877251 do UBND huyện T cấp ngày 04/5/2013, đã xác nhận nội dung thay đổi ngày 10 tháng 7 năm 2013: Hộ bà H nhận chuyển nhượng đất theo hợp đồng số 76 ngày 21 tháng 5 năm 2013. Do vậy nguyên đơn bà H được quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự. Hiện bị đơn là người chiếm giữ bất hợp pháp nên phải có nghĩa vụ trả lại tài sản này cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 275 và Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự.

Về vật kiến trúc trên đất gồm nhà ở, công trình phụ, bể nước. 01 lán tôn xi măng, bể nước... trị giá 52.400.000 đồng do bị đơn bỏ tiền ra xây, nhưng không

yêu cầu nguyên đơn hoàn lại. Bị đơn cũng không yêu cầu chi phí tôn tạo, duy trì đất trong quá trình bị đơn quản lý, sử dụng nên tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị L.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Đồng Thị L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 70/2017/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, điểm b Điều 39, Điều 147, 148 Điều 161 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 106, Điều 166, khoản 4 Điều 275, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự; Điều 95, Điều 97 Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị H, buộc bị đơn bà Đồng Thị L phải trả cho bà Đồng Thị H diện tích đất 123m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 723/2, tờ bản đồ số 03, thôn Mỹ Cụ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 87725 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2013.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Đồng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đồng Thị H số tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000697 ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Về chi phí giám định: Bà Đồng Thị L phải nộp 7.050.000 đồng tiền chi phí giám định, bà Đồng Thị L đã nộp đủ chi phí giám định theo Giấy nộp tiền ngày 17 tháng 5 năm 2017.

- Án phí phúc thẩm: Bà Đồng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số

0005747 ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thủy**